

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2022
V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989. (Có mặt)

HKTT: Xóm H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Khu 7, X.V, Y, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

HKTT: Xóm H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và anh Lâm Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X.V, Y, tỉnh Phú Thọ vào tháng 3 năm 2009. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn hai vợ chồng thống nhất cho anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, anh H đi từ cuối năm 2017 đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng ở xa nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường hay tranh cãi, dần dần vợ chồng ít liên lạc với nhau. Từ năm 2019 đến nay anh H chỉ gọi về để nói chuyện với các con mà không liên lạc, quan tâm đến chị nữa. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh H, chị xác định anh H không cho chị biết và cả gia đình nhà anh H cũng đều không biết. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Lâm Gia H1, sinh ngày 13/10/2009, con nhỏ là Lâm Gia B, sinh ngày 17/3/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 22/6/2022 và ngày 30/6/2022 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Lâm Văn H3 là bố đẻ của anh Lâm Văn H, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông có thông tin cho anh H được biết việc chị L đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh H có trao đổi lại: *“Anh xác định vợ chồng hiện không còn tình cảm, chị L xin ly hôn anh H nhất trí. Về con chung như chị L đã khai là đúng. Hiện anh đang ở nước ngoài anh nhất trí để chị L được nuôi cả hai con, sau này anh về nước anh sẽ thỏa thuận lại với chị L về việc nuôi con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con. Chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không đề nghị giải quyết. Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 7887/QLXNC-P5 ngày 19/4/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an xác định Lâm Văn H đã xuất cảnh ngày 13/02/2019 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố

nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là ông Lâm Văn H3, có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với gia đình nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H và anh H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông H3 cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Lâm Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X.V, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị L khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn hai vợ chồng thống nhất cho anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, anh H đi từ cuối năm 2017 đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng ở xa nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường hay tranh cãi, dần dần vợ chồng ít liên lạc với nhau. Từ năm 2019 đến nay anh H chỉ gọi về để nói chuyện với các con mà không liên lạc, quan tâm đến chị nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Phía bị đơn anh H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố đẻ anh H), anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm. Anh H đồng ý ly hôn với chị L. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa chị L và anh H đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị L và anh H đều khai vợ chồng có 02 con chung, là Lâm Gia H1, sinh ngày 13/10/2009 và Lâm Gia B sinh ngày 17/3/2016. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh H cũng nhất trí do hiện nay anh đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con được. Sau này anh về nước anh sẽ thỏa thuận lại với chị L về việc nuôi con. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly

hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 13/10/2009 và Lâm Gia B, sinh ngày 17/3/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh H nhất trí vì bản thân anh hiện đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình. Tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị L không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh H; Giao cháu Lâm Gia H1, sinh năm 2009 và cháu Lâm Gia B, sinh năm 2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị L không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị L. Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Lâm Văn H.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Lâm Gia H1, sinh ngày 13/10/2009 và Lâm Gia B, sinh ngày 17/3/2016 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị L không yêu cầu.

Anh Lâm Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000088 ngày 06/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- UBND xã X.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy